

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

# SỰ CHUYỂN VỊ TRONG PHƯƠNG NGŨ NAM BỘ

## ĐẶNG NGỌC LÊ\*

**TÓM TẮT:** Sự chuyển vị là một trong những đặc điểm nổi bật của phương ngữ Nam Bộ. Từ khảo sát đặc điểm này ở các bình diện từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ âm, bài viết rút ra các đặc trưng khu biệt của phương ngữ này. Điều đó chứng minh cho việc nghiên cứu ngôn ngữ cần dựa trên các cứ liệu xác thực, hơn là chỉ dựa vào lí luận để xác lập những giá trị của chúng. Đặc điểm này có vai trò quan trọng không chỉ trong nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt mà còn trong việc lưu truyền những giá trị bản sắc của ngôn ngữ dân tộc.

**TỪ KHÓA:** sự chuyển vị; tiếng Việt; phương ngữ; Nam Bộ; ngôn ngữ dân tộc.

NHÂN BÀI: 23/12/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/1/2022

## 1. Mở đầu

Tiếng Việt được nhìn nhận là loại hình ngôn ngữ đơn lập, không biến đổi hình thái. Nó hoàn toàn khác với ngôn ngữ châu Âu, chính ở thuộc tính biến đổi hình thái này. Trong ngôn ngữ Ấn-Âu, sự kết nối âm (liaison) trong giao tiếp, sự tri giác hình vị - đơn vị có nghĩa (morpheme) trong những đơn vị âm thanh nhỏ nhất (phoneme), sự chuyển đổi cụm từ (phrase) thành từ (word) hoặc sự chuyển đổi từ tính danh từ (noun) sang động từ (verb) hoặc ngược lại, hay vai trò ngữ nghĩa của một hình vị tạo tác (factive morpheme) trong một đơn vị, là rõ nét; còn trong các ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt, tiếng Hán thì rất hạn chế. Tuy nhiên, có một điều là trong phương ngữ tiếng Việt như phương ngữ Nam Bộ, các hiện tượng được gọi là phổ biến trong ngôn ngữ Ấn-Âu đều có thể tìm thấy hiện tượng tương đồng trong phương ngữ Nam Bộ. Bài viết này, nhằm đề cập tới các hiện tượng chuyển vị (transposition) nêu trên.

## 2. Nội dung

**2.1.** Trong tiếng Việt, hệ thống thanh điệu là một nét đặc thù của ngữ âm tiếng Việt, nó làm cho một hiện tượng âm tiết (syllable) có thể trở thành nhiều hình vị có nghĩa khác nhau. Chẳng hạn, âm tiết được ghi nhận bằng các con chữ cái: “*bên*” có thể trở thành những hình vị có nghĩa hoàn toàn khác nhau được ghi lại dưới dạng chữ viết là: “*bên, bên, bên, bên, bên, bên*”.

Như vậy, thanh điệu - âm vị siêu đoạn tính (suprasegmental phoneme) có một vai trò rất quan trọng trong tiếng Việt. Điều này đã khiến cho rất nhiều người Âu-Mỹ, dù học tiếng Việt nhiều năm đã không quan tâm, hoặc không được người giảng dạy tiếng Việt yêu cầu phải phát âm đúng mực, nên đa phần họ không nói được tiếng Việt chuẩn; chưa nói đến yêu cầu cao hơn là nói được tiếng Việt một cách tự nhiên (giống như người Anh yêu cầu người Việt khi nói tiếng Anh).

Có thể thấy, trong phương ngữ Nam Bộ, thanh điệu đã làm cho các đại từ thời gian, không gian: *kia, kìa, kía, kĩa, kịa...* mang một giá trị khu biệt khá hi hữu, mà không hẳn những người Việt khác vùng miền có thể tri giác được; huống chi là người ngoại quốc học tiếng Việt, mà lại là tiếng Việt được học bởi các giáo viên vốn mang đặc tính vùng miền trong phát âm.

Quan sát các phát ngôn của người miền Nam, có thể nhận ra điều khác biệt thú vị này: “*Hôm kia, hôm kia, hôm kia, hôm kia, hôm kia gì đó nó có ghé nhà tui chơi cả buổi*”. Phát ngôn này dễ làm cho nhiều người hiểu một cách chung chung là một hôm nào đó có người bạn ghé chơi. Không hề lưu tâm tới ý định của người nói là các hôm đã qua lần lượt mà không rõ hôm nào. Nếu như người phát ngôn nói câu ấy hôm nay là ngày 10, thì *hôm kia*<sup>1</sup> là ngày 12 (vì còn cách ngày *hôm qua* 1 ngày là ngày 11), còn *hôm kia* là ngày 13, *hôm kìa* là ngày 14, *hôm kia* là ngày 15, *hôm kìa* là ngày 16 [7]. Tương tự, nếu “*kia, kia, kia, kia, kia...*” được dùng để biểu thị không gian, thì cái không gian trong từng đại từ ấy phải được hiểu lần lượt càng xa hơn.

Thanh điệu trong phương ngữ Nam Bộ còn được thể hiện linh hoạt trong phát âm, qua việc biến một “tổ hợp từ” thành “từ đơn tiết”. Chẳng hạn, các từ *chỉ người ngời ba* và *chỉ nơi chốn, thời gian*

---

\* PGS.TS; Trường Đại học Văn Lang; Email: le.dn@vlu.edu.vn

trong phương ngữ Nam Bộ: “*ông, anh, bà, chị, cậu mở, trổng, ngoài, bên, trên, xửa...*”. Tác giả Cao Xuân Hạo đã từng quan tâm đến hiện tượng này và có những lí giải thỏa đáng, thú vị: “... Không biết từ bao giờ, trên sân khấu, trong phim ảnh và cả trên diễn đàn các hội nghị nữa, cách phát âm tự nhiên này được thay thế bằng một cách phát âm khác hẳn, mà chắc là có ai đó cho là “chuẩn hơn” hay “đúng hơn”: thay vì “*anh, chị, bên...*”, ta có thể nghe thấy diễn viên (hay diễn giả) nói “*anh ấy, chị ấy, bên ấy*” tách bạch. Trong đó, từ “*ấy*” được đánh một trọng âm rất mạnh [3, 1999].

Bài viết của tác giả Cao Xuân Hạo đã đặt vấn đề cần xem xét cách phát âm bình thường (*anh, chị*) có ý nghĩa và mức độ chê trách đến mức nào khiến cho chúng bị loại trừ ra khỏi ngôn ngữ nghệ thuật, và cách phát âm hiện dùng trên sân khấu và trong phim có phải là cách phát âm chuẩn hay không?

Để trả lời những vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành ghi âm và phân tích âm phổ trên máy spectrograph cách phát âm những tổ hợp nói trên trong ba phương ngữ khác nhau của Việt Nam: tiếng miền Bắc (Hà Nội), tiếng miền Trung (Huế), và tiếng miền Nam (Sài Gòn), được đặt trong một ngôn cảnh như nhau - trong bốn kiểu câu đơn giản và thông dụng:

1. *Anh ấy mới về quê.*                      2. *Bên ấy mát hơn nhiều.*
3. *Tôi muốn gặp anh ấy.*                      4. *Nó đang ngồi bên ấy.*

và chúng tôi lần lượt thay thế “*anh ấy*” và “*bên ấy*” bằng “*chị ấy*” hay “*trong ấy*”...

Chúng tôi đo độ dài, cường độ chính xác (bằng đơn vị 1/100 giây và 1 db) của từng tiếng trong các tổ hợp đang xét được phát âm theo những quy tắc ngữ âm của từng địa phương so với chiều dài của cả câu được phát âm với tốc độ nói chuyện thoải mái (từ 1,60 giây đến 2 giây mỗi câu), có chú ý đến cách dùng từ của từng địa phương: Ở Huế, từ “*ấy*” được thay bằng “*nó*”, nhược hoá thành “*na*” hay “*a*”; Ở Sài Gòn, từ chỉ xuất được giả định như được dùng thay cho “*ấy*” là “*đó*”; “hoà đức” vào từ đi trước, nó thành một tiếng mang thanh “hỏi - ngã” theo mẫu của cách hòa đức “*không có*” thành “*hổng*” thường thấy trong phương ngữ Nam Bộ.

Những kết quả thu được trên máy (thiết bị vi tính hoá CECIL for Windows) cho phép chúng tôi nhận xét như sau:

- Trong các tổ hợp đang xét, ở cả ba phương ngữ không có trường hợp nào từ chỉ xuất đi sau (*ấy, đó, nó*) mang trọng âm;

- Ngược lại, từ *ấy* bao giờ cũng được phát âm với một độ dài xấp xỉ 2/5 độ dài của từ đi trước và một cường độ xấp xỉ bằng 1/4 cường độ của từ này. Như vậy, trong “*anh ấy*” chẳng hạn, “*anh*” tuy không mang trọng âm ngữ đoạn, vẫn mạnh và dài khoảng gấp ba “*ấy*” (nhược hoá thành “*i*” trong tiếng Hà Nội, thành “*a*” trong tiếng Huế);

- Độ dài cộng lại của hai từ “*anh i*” (Hà Nội), “*anh a*” (Huế) và độ dài của “*ảnh*” (Sài Gòn) hoàn toàn bằng nhau (khoảng 0,27 giây). [Cao Xuân Hạo, 1999].

Hiện tượng chuyển vị ngữ âm này, nếu đi sâu nghiên cứu ta sẽ thấy chúng xuất hiện khá nhiều trong phương ngữ Nam Bộ. Điều này buộc người dạy ngữ âm, từ vựng hay ngữ pháp đều phải chú ý, nếu muốn giúp người nói tiếng Việt miền Nam với một giọng tự nhiên và hợp chuẩn phương ngữ.

2.2. Sự chuyển vị trong phương ngữ Nam Bộ còn có thể diễn ra ở cả bình diện từ vựng-ngữ nghĩa lẫn ngữ âm, như trường hợp của từ “*quá giang*”. Xét về mặt nguồn gốc, “*quá giang*” được nhìn nhận là một từ ghép Hán-Việt gồm hai thành tố hình vị, với nghĩa chung “qua sông”. Từ này được hiểu đi từ bờ bên này sang bờ bên kia, có thể có hoặc không phương tiện; nhưng thường được hiểu là “nhờ phương tiện”, như ghe, xuồng. Ngày nay, từ này trên bình diện ngữ nghĩa đã có sự thay đổi lớn với nội dung: “đi nhờ, không mất tiền; không hẳn là phải đi trên sông. Ngoài ra, với người Nam Bộ xưa, từ này cũng không còn giữ lại nguyên gốc “*quá giang*” của nó mà đã chuyển thành “*có giang*”, thậm chí chỉ còn thành tố “*giang*”. Nói “*có giang*” là đã có sự chuyển đổi ngữ âm theo cách phát âm của người Nam Bộ. Bởi nếu từ “*quá*” được phiên âm sẽ là [kwa<sup>5</sup>] mà /wa/ trong phát âm của người Nam Bộ được chuyển thành /o/. Quan sát một số ví dụ chuyển âm sau:

+ “*Cô Loan đang dạy toán*” được người Nam Bộ phát âm thành: “*Cô Lon dạy môn tòn*”.

+ “*Bác sĩ cho toa thế nào?; Toa án, họ nói sao?*” được người Nam Bộ phát âm thành: “*Bác sĩ cho to thế nào?; Tò án, họ nói sao?*”

Vì vậy, [kwa<sup>5</sup>] chuyển vị thành [ko<sup>5</sup>] là điều hoàn toàn phù hợp với cách nói của người Nam Bộ. Còn “giang” được dùng đơn độc như “*quá giang; có giang*”. Bài Vọng cổ hải “*Tư Ếch đại chiến Văn Hường*” của soạn giả Viễn Châu chứng minh cho điều đó:

“*Bớ Văn Hường! Tao với mày không thù không oán.*”

*Sao mày đem tên tao mà nhạo báng tùm lum.*

*Cho nên tao giang ghe khoai lân nữa lên tận Sài Gòn.*

*Để tao quyết kiếm mì cho được cái thằng tiểu quý.”*

Một tên gọi địa danh của tỉnh An Giang là huyện “*Tịnh Biên*” cũng có sự chuyển vị cả trên bình diện ngữ nghĩa lẫn ngữ âm rất thú vị. Bởi, nó cũng chịu sự tác động mạnh của xu hướng “toàn dân”, tạm gọi là xu hướng “dân gian hóa”. Huỳnh Công Tín đã lí giải con đường hình thành địa danh này trong quyển *Chuyện địa danh và chữ nghĩa Nam Bộ*, Nxb. VH-VN, 2017, như sau:

“Thông thường lớp địa danh Hán-Việt không phản ánh bất cứ điều gì thuộc thực tiễn địa phương được thể hiện qua cách gọi tên ấy. Có chăng chỉ ước nguyện của tổ chức gửi gắm trong việc chọn ngôn từ để định danh cho vùng đất, địa phương bằng tên gọi ấy. Tuy vậy, cũng có trường hợp, địa danh Hán-Việt vừa phản ánh được đặc trưng thực tiễn; đồng thời, tên gọi định danh cũng vừa thể hiện được ước nguyện về vùng đất ấy, đó là khi một địa danh có xu hướng “dân gian hóa”, như sự chuyển đổi địa danh từ “*Tuy Biên*” thành “*Tĩnh Biên*”, rồi “*Tịnh Biên*” chẳng hạn. Theo kiến giải, các địa danh này theo thời gian đã có sự chuyển đổi từ nội dung ý nghĩa đến cả hình thức ngữ âm như sau:

“*Tuy Biên*” có hai thành tố: “*Tuy*” có nghĩa “bình yên, yên ổn, bình định”; còn “*Biên*” có nghĩa “vùng ngoài biên, vùng giáp giới”. Như vậy, “*Tuy Biên*” vừa có ý nghĩa phản ánh thực tiễn: “một vùng đất biên giới thanh bình”, vừa thể hiện một ước nguyện cho việc đặt tên là “mong mỗi có được sự bình yên, bình định ở một vùng giáp biên thường dễ sinh biến động”.

Còn “*Tĩnh Biên*” cũng có hai thành tố “*tĩnh*” với nghĩa: “yên tĩnh, bình yên”; và “*biên*” có ý nghĩa: “vùng biên, vùng ngoài cùng, vùng biên giới”. Như vậy, “*Tĩnh Biên*” có thể hiểu là một “vùng đất giáp giới thanh bình, yên tĩnh”. Như vậy, sự thay đổi tên “*Tuy Biên*” thành “*Tĩnh Biên*” là con đường chuyển đổi tên gọi dựa trên nội dung ngữ nghĩa của từ ngữ và sự chuyển đổi đi từ thành tố “*Tuy*” “ít phổ biến, có xu hướng bác học” sang thành tố “*Tĩnh*” có tính “phổ biến và có nhiều sắc thái bình dân hơn”, tạm gọi là xu hướng “dân gian hóa”.

Rồi “*Tĩnh Biên*” lại thành “*Tịnh Biên*” thì “*Tịnh*” cũng có nghĩa tương tự như “*Tĩnh*”; nhưng ở trường hợp này đã có sự biến âm, mà việc biến âm này cũng là hiện tượng phổ biến, thường gặp trong phương ngữ Nam Bộ, như “*cắm*” thành “*cặm*”, “*búng*” thành “*bụng*”, “*bức bối*” thành “*bực bội*”, “*ấm ức*” thành “*âm ực*”,... Do vậy, con đường chuyển đổi ngữ âm cũng đi theo xu hướng dân gian hóa nốt.” [6, tr.174-175].

**2.3.** Trong tiếng Việt, các nhà từ vựng học và ngữ pháp học tiền bối theo quan niệm truyền thống đã phân định trên phương diện lí luận rất rõ sự khác biệt giữa “hình vị” và “từ” dựa vào các tiêu chí: hình vị không có khả năng độc lập - không đứng được riêng biệt thành từ. Trong khi, từ có thể tự do tạo thành phát ngôn... Lí luận này thường được minh họa bằng những dẫn chứng đối lập sau: *điền*<sup>3</sup> - ruộng; *lộ* - đường; *thủy* - nước; *hóa* - lừa...”. Trong khi, ở phương ngữ Nam Bộ, các thành tố đầu được dùng không khác gì với thành tố sau. Nói khác đi, người bản ngữ không hề tri giác giữa chúng có sự đối lập trên bình diện cấp độ ngữ nghĩa - ngữ pháp: hình vị hay từ. Chỉ là ở giữa chúng, nếu có sự phân lập, thì chỉ là sự phân lập trong thể phân bố bổ sung. Chẳng hạn:

+ *Điền của cậu Ba Huy ở Bạc Liêu rộng đến độ cò bay thẳng cánh.*

+ Ông Hội đồng Trạch bận đi thăm *điền*.

+ *Chim trời, cá nước ở điền ông Hội đồng là của ông Hội. Bọn tá điền tụi bây không được phép vào điền bắt trộm.*

+ *Chú ý: Lộ lộ lộ nguy hiểm.*

+ *Đậu xe giữa lộ vậy, không gây ra tai nạn sao được.*

+ *Ngày trước ở nông thôn chỉ có lộ đất, lộ đá. Còn bây giờ toàn lộ bê tông, lộ nhựa.*

+ *Đường thủy, đường sông là một lợi thế giao thông ở vùng ĐBSCL...*

+ Bà Hóa, bà Thủy, bà nào cũng có thể gây tai họa khôn lường. [Nguyễn Hùng, 2005]

2.4. Ngoài ra, khi đề cập tới sự chuyển vị từ loại; thường các nhà ngữ pháp học chỉ chú ý tới hiện tượng chuyển loại giữa động từ và tính từ. Vì giữa hai từ loại này có sự tương quan về mặt ngữ nghĩa; đặc biệt là sự tương quan ngữ pháp. Nhiều nhà Việt ngữ học đều gọi chúng là “Vị từ”. Nếu để phân biệt Vị từ thành hai tiểu loại, thì chúng ta sẽ có: Vị động từ và Vị tính từ. Trong ngôn ngữ Ấn Âu, sự chuyển vị từ loại hết sức phổ biến, giữa chúng chỉ cần sự phân lập ở thành phần hình vị tiền tố, hoặc hậu tố. Chẳng hạn:

Trong tiếng Anh: *Cloud* (n): mây, đám mây - *Cloudy* (a) bị mây che phủ, có vân; *Doctor* (n): Bác sĩ - *Doctoral* (a): thuộc hệ tiến sĩ; *South* (n): phía nam, miền Nam - *Southern* (a): thuộc phía Nam...

Trong tiếng Pháp: *Argent* (nm): bạc, tiền bạc - *Argenté* (adj): mạ bạc, có tiền; *Drame* (nm): kịch, thảm kịch - *Dramatique* (adj): thuộc về kịch bản; *Lenteur* (nf): sự chậm chạp, chậm rãi, lè lè - *lent*, *lente* (adj): chậm, tác dụng chậm...

Điều thú vị là trong phương ngữ Nam Bộ, có một số danh từ chuyển thành vị từ. Như trong các trường hợp sau đây:

1. Trong tiếng Việt: *Bà* (danh từ): người nữ, trước đối tượng xưng gọi 2 thế hệ. Trong phương ngữ Nam Bộ, ngoài nghĩa danh từ của tiếng Việt, *Bà* (vị tính từ): *lớn, rất lớn*. Như trong các trường hợp sau: “trầu bà, ếch bà, bướm bà, miếu bà, miếu bà...”;

2. Trong tiếng Việt: *Cối* (danh từ): dụng cụ để đựng các thức đưa vào giã, nghiền, xay. Trong phương ngữ Nam Bộ, ngoài nghĩa danh từ của tiếng Việt, *Cối* (vị tính từ): *lớn, rất lớn*. Như trong các trường hợp sau: “pháo cối, đạn cối, súng cối, băng cối...”;

3. Trong tiếng Việt: *Phuon* (danh từ): mảnh hẹp, có chiều dài. Trong phương ngữ Nam Bộ, ngoài nghĩa danh từ của tiếng Việt, *Phuon* (vị tính từ): *dài, rất dài*. Như trong các trường hợp sau: “cá phuon, cờ phuon, cột phuon, chim phuon, hoa phuon...”;

4. Trong tiếng Việt: *Cui*: không thấy ghi nhận thành mục từ có nội dung ngữ nghĩa. Trong phương ngữ Nam Bộ, có “cây *Cui*” (danh từ): loại cây chịu mặn, gỗ chắc, mỗi một khó gặm; da cui dày, cứng, sần sùi; lá lớn, nhám; rễ mọc trần lan, u năn, giống như nhiều miếng be dài chụm vào một gốc rồi xòe ra xung quanh; cây cui có nhiều ở vùng cận biển mặn ngọt. *Cui* (vị tính từ) “thô kệch nhưng chắc, khỏe”, như trong các trường hợp sau: “trầu cui, xuồng cui, ghe cui, dùi cui...”...

2.5. Còn một sự chuyển vị mang tính đặc trưng trong phương ngữ Nam Bộ ở một số vị tính từ chỉ “mức độ”, mà sự kết hợp của chúng sẽ tạo nên sự khác biệt về sắc thái ngữ nghĩa hoặc sắc thái biểu cảm trong một số vị tính ngữ, như: “x + *bân*”, “x + *trân*” hay “x + *trắt*”... Quan sát một số vị tính ngữ Nam Bộ sau đây<sup>4</sup>:

- Vị tính ngữ “x + *bân*”: “*đều bâ, gọn bâ, liền bâ, ngay bâ, y bâ...*”;

- Vị tính ngữ “x + *trân*”: “*ngay trăn, y trăn, đều trăn, suồng trăn, xù trăn...*”;

- Vị tính ngữ “x + *trắt*”: “*dốt trắt, què trắt, huề trắt, lỗ trắt, mù trắt...*”.

Vì là vị từ chỉ mức độ, nên chúng không đứng một mình; nhưng không có nghĩa chúng chỉ là hình vị theo quan niệm của ngữ pháp truyền thống. Chúng được nhìn nhận như những phụ từ thông thường trong tiếng Việt có thể kết hợp với tính từ khi đứng trước, lúc đứng sau, như: “*quá, hơi, rất, lắm...*”. Tuy nhiên, nếu xem xét chúng ở nét nghĩa khu biệt mang tính hệ thống, thì thành “*bân*” có hàm ý: khen; còn “*trắt*” thì lại có hàm ý ngược lại: chê.

### 3. Kết luận

Như vậy, trong phương ngữ Nam Bộ, thanh điệu là yếu tố tạo nên một giá trị khu biệt cần lưu ý. Sự chuyển vị trong phương ngữ Nam Bộ diễn ra ở trên các bình diện từ vựng-ngữ nghĩa và ngữ âm. Những khảo sát của chúng tôi ở các khía cạnh trên và ở một số trường hợp chuyển vị từ loại, vị tính từ chỉ “mức độ” chứng minh cho đặc trưng nổi bật của phương ngữ này. Đặc trưng đó không chỉ có tầm quan trọng cho nghiên cứu ngôn ngữ mà còn cho việc giảng dạy ngôn ngữ cho người bản ngữ và người ngoại quốc. Theo chúng tôi, nhận thức sự chuẩn hóa trong tính đa dạng, đặc thù, có sự tiếp nhận những nhân tố tích cực từ các phương ngữ là yếu tố quyết định cho nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ. Điều đó, đảm bảo cho được sự giao tiếp cộng đồng và tính phong phú vốn có của bất cứ một ngôn ngữ nào, không riêng gì tiếng Việt. Bởi tiếng nói của một cộng đồng, dù có số lượng người

sử dụng ít, trên bình diện ngôn ngữ học vẫn được xem là thành tố văn hóa của một dân tộc, cần được bảo tồn và phát triển.

**Chú thích:**

<sup>1</sup> Chữ in đậm để nhấn mạnh.

<sup>2</sup> Kí hiệu số 5 biểu thị thanh sắc.

<sup>3</sup> Theo quan niệm của ngữ pháp truyền thống, thành tố đầu được xem là “hình vị”; thành tố sau được xem là “từ”.

<sup>4</sup> Huỳnh Công Tín, *Từ điển Từ ngữ Nam Bộ*, NXB. KHXH, HN, 2007, các trang: 151, 1279, 1281.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Tiếng Việt**

1. Viễn Châu (2020), *120 bài Vọng cổ đặc sắc*, Huỳnh Công Tín (biên soạn và chú giải), Nxb Văn hóa-Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Huỳnh Tịnh Paulus Của (1896), *Đại Nam quốc âm tự vị*, Tome I & II, Sài Gòn.
3. Cao Xuân Hạo (1999), *Về cách phát âm đại từ chỉ người và chỉ chỗ trong tiếng Sài Gòn*, Tạp chí Khoa học xã hội, Viện Khoa học Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Hùng (2005), *Công tử Bạc Liêu*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (Chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
6. Huỳnh Công Tín (2007), *Từ điển Từ ngữ Nam Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Huỳnh Công Tín (2007), *Chuyện địa danh và chữ nghĩa Nam Bộ*, Nxb Văn hóa-Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

**Tiếng Anh**

8. J. L. Taberd (2004), *Dictionarium Anamitico Latinum*, Bản in Photo 1838, Nxb Văn học.

**Transposition in Southern dialect**

**Abstract:** Transposition is one of the outstanding features of the Southern dialect. From surveying this feature in terms of vocabulary - semantics, phonetics, the article draws out the distinctive features of this dialect. It proves that language research should be based on authentic data, rather than just reasoning to establish their values. This feature plays an important role not only in researching and teaching Vietnamese but also in transmitting the identity values of the national language.

**Key words:** transposition; Vietnamese; dialect; Southern; national language.